

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 3 - 2018
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đàm Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thịnh
2. Bà Nguyễn Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phùng Văn B, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Có mặt

2. *Bị đơn:* Chị Dương Thị B, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện B, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt, nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Phùng Văn B trình bày: Anh và chị Dương Thị B về chung sống với nhau từ tháng 11 năm 2001 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi cưới được một thời gian thì anh chị làm nhà ra ở riêng tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và có 02 con chung. Đến năm 2010, do điều kiện kinh tế gia đình

khó khăn chúng tôi có bàn bạc để vợ tôi đi làm công nhân để kiếm tiền thêm chăm lo cho cuộc sống của gia đình, nhưng trong suốt thời gian từ năm 2010 cho đến năm 2014 kinh tế gia đình không những không cải thiện được mà chị Dương Thị B lại còn không quan tâm và lo liệu cho cuộc sống gia đình, anh có động viên chị B về nhà để cùng anh làm ăn, xây dựng gia đình, chăm sóc con cái, nhưng chị B không nhất trí mà còn thách thức và tuyên bố sẽ ly hôn làm cho cuộc sống chung giữa hai vợ chồng ngày một rạn nứt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Trong thời gian đó, anh chị cũng đã được hai bên gia đình hoà giải, tham gia góp ý nhưng tình cảm giữa anh và chị B cũng không khắc phục được và cũng từ đó anh chị cũng không còn chung sống cùng nhau nữa. Anh nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, nếu cố duy trì cuộc hôn nhân giữa hai anh chị cũng không hạnh phúc, nên anh đề nghị Toà án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Dương Thị B.

Về phía bị đơn chị Dương Thị B trình bày: Năm 2001 chị và anh Phùng Văn B lấy nhau trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, lý do không đăng ký kết hôn là do không hiểu biết pháp luật. Sau khi cưới chị về làm dâu sống chung cùng bố mẹ chồng một thời gian, năm 2002 anh chị làm nhà ra ở riêng tại thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang, quá trình chung sống anh chị có sinh được hai con chung, từ năm 2010 thì giữa hai anh chị luôn xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, mỗi người một quan điểm, một cách sống khác nhau, mỗi khi anh B uống rượu say là đánh đập chửi bới vợ, gia đình hai bên khuyên giải nhưng anh B vẫn không thay đổi. Do vậy từ năm 2012 cho đến nay chị đi làm thuê tại tỉnh Hải Dương và vợ chồng đã chấm dứt quan hệ hôn nhân, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay anh B có yêu cầu xin được ly hôn thì chị hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B đều khai nhận quá trình chung sống anh chị có hai con chung là cháu Phùng Văn T sinh ngày 01/10/2002 và cháu Phùng Văn Đ sinh ngày 10/10/2007.

Tại Bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải cả hai anh chị cùng có quan điểm: Anh Phùng Văn B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn Đ sinh ngày 10/10/2007. Chị Dương Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn T sinh ngày 01/10/2002, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về phần tài sản chung: Cả hai bên đương sự không yêu cầu giải quyết.

Do anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B lấy nhau không đăng ký kết hôn, nên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang đã tiến hành xác minh và ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa, anh Phùng Văn B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn chị Dương Thị B và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận cho anh chị về phần nuôi con. Còn chị Dương Thị B vắng mặt có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng đã quy định; những người tham gia tố tụng dân sự đều chấp hành và tuân theo đúng pháp luật tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B; về việc nuôi con đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo biên bản hòa giải ngày 17/01/2018.

- Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Về thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của anh Phùng Văn B được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn chị Dương Thị B vắng mặt, nhưng trước đó bị đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại thời điểm anh Phùng Văn B, chị Dương Thị B về chung sống với nhau, cả hai anh chị đều đủ tuổi kết hôn, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, chính vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, do đó quan hệ hôn nhân giữa anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B là không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận. Mặt khác hai anh chị đều thừa nhận quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống gia đình giữa hai vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chính vì vậy anh chị đã sống ly thân từ

hiều năm nay. Tại phiên tòa anh Phùng Văn B vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn, nên cần áp dụng khoản 2 Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B sinh được hai con chung là cháu Phùng Văn T sinh ngày 01/10/2002 và cháu Phùng Văn Đ sinh ngày 10/10/2007.

Tại phiên hòa giải anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B đã tự thỏa thuận: Anh Phùng Văn B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn Đ sinh ngày 10/10/2007. Chị Dương Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn T sinh ngày 01/10/2002, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị Dương Thị B vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị vẫn giữ nguyên nội dung đã thỏa thuận về nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thỏa thuận của hai bên đương sự về việc nuôi con chung tại Biên bản hòa giải ngày 17/01/2018 là hoàn toàn hợp tình, hợp lý, phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu. Nên cần áp dụng Điều 15 và các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung cho Anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B.

[4] Về tài sản: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Phùng Văn B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, Điều 15; Điều 57; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phùng Văn B và chị Dương Thị B.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung:

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: Anh Phùng Văn B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn Đ sinh ngày 10/10/2007. Chị Dương Thị B là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phùng Văn T sinh ngày 01/10/2002, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Phùng Văn B phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang theo biên lai số 03264 ngày 03 tháng 10 năm 2017.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Vĩnh Phúc;
- UBND xã Vĩnh Hảo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đàm Thị Tư